



PHỤ LỤC BÁO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Acid Acetic đậm đặc	Chai	Dung dịch acid acetic, không màu, mùi giấm, tinh khiết 99% dùng trong phòng thí nghiệm. Bảo quản mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Chai 500 ml	4
2	Acid Clohydric (HCl)	Chai	Công thức hoá học: HCl. Quy cách: chai 500ml	25
3	Ambu bóp bóng người lớn	Bộ	Ambu bóp bóng người lớn. Vật liệu PVC, không có chứa DEHP, Latex, không gây tổn thương, không kích ứng. Có van Peep	35
4	Anti A	Lọ	Anti-A: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A 500100 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	20
5	Anti AB	Lọ	Anti-AB: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A A-5E10; Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-B-2D7 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	20
6	Anti B	Lọ	Anti-B: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B501100 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác :	20
7	Anti D	Lọ	Anti-D (Rho): Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Thuốc thử Anti-D (Rho) là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	20
8	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55mm	Cuộn	Băng keo chỉ thị nhiệt, 24mmx55m, vạch chỉ thị chuyển Trắng ngà sang Nâu sẫm/đen, chứa chất bám dính 10-20%, chất dẻo acrylic polymer 2-5%. Không chứa chì. Đạt tiêu chuẩn FDA, nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Không đổi màu sau ít nhất 6 tháng tiệt khuẩn.	20
9	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	Cuộn	Chất liệu sợi cotton. Gạc màu trắng, không ố vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng phải bằng, không lệch, không được có xơ. Kích thước: Chiều dài: 5 m ± 0,2 m Chiều rộng: 10 cm ± 0,4 cm Độ lệch : Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). Mật độ sợi: Trên một centimét vuông có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. Mất khối lượng do làm khô: không quá	1500
10	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	Cuộn	Chất liệu sợi cotton hoặc tương đương. Kích thước: ≥ 10cm x 5m.	150
11	Băng dính 5cm x 5m	Cuộn	Băng bằng vải lụa Taffeta phủ keo, màu trắng. 100% sợi cellulose acetat. Keo oxide kẽm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Kích thước 5cm x 5m. Tiêu chuẩn CE, được lưu hành tại 2 nước: Úc và Bungari	7000
12	Băng dính cá nhân	Cái	Thành phần: băng vải, gạc, chất dính Kích thước tối thiểu: 1,9 cm x 7,2 cm	100000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
13	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/dày, chiều dài 45mm	Cái	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình; dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; chiều cao ghim đóng là 1.75mm-1.5mm-1.25mm. Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường	15
14	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/dày, chiều dài 60mm	Cái	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 60mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; chiều cao ghim đóng là 1.75mm-1.5mm-1.25mm. Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường	15
15	Băng keo lụa 5cm x 5m	Cuộn	Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Keo an toàn không gây dị ứng. Lỗi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. Băng: Vải lụa Taffeta màu trắng, 100% sợi cellulose acetate, mềm mại với độ bền kéo mạnh, dễ xé ngang dọc, trọng lượng 80-90g/m². Độ phủ keo 50- 60g/m², số sợi 44x18/cm, lực dính 1.8 – 5.5 N/cm. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn EN ISO	3500
16	Băng keo thun co giãn	Cuộn	- Băng thun màu trắng, 100% sợi cotton, độ co giãn $\geq 90\%$ - Keo hỗn hợp phủ đều chứa Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Lực dính 2-9 N/cm.	1000
17	Bi thủy tinh	kg	Bi thủy tinh dùng trong xét nghiệm xử lý mẫu bệnh phẩm. Đường kính 3ml. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	1
18	Bình cầu thủy tinh	Cái	Chất liệu thủy tinh dày, có thể dùng để hấp uớt, đáy bằng đặt được trên mặt phẳng, thể tích 1000ml	7
19	Bình hút dịch 2 vòi (Bình hút dịch 2 vòi)	Bình	*Chai được làm bằng polypropylene(PC), có thể được hấp khử trùng *Nắp đậy chặt, đúng thể tích, đảm bảo kín *Bình chứa có vạch chia thể tích *Có thể tái sử dụng *Chịu nhiệt độ cao nhất 121 độ C, *2 ống kết nối: đường kính 6-8 mm.	35
20	Bình làm ẩm oxy gắn tường	Cái	- Bình làm bằng polythylene hoặc tương đương dung tích 200ml. - Nắp bình bằng chất liệu nhựa polycarbonate hoặc tương	100

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
21	Bộ áo phẫu thuật các cỡ	Bộ	Chất liệu vải: Vải không dệt 5 lớp SMMMS cao cấp chống thấm cồn, chống tĩnh điện và chống thấm chất lỏng cấp độ 3, không có bụi vải. Trọng lượng ≥ 45 gsm. Kích thước: 150 x 125 / 160 x 135 cm (± 5 cm) Có bo thun tay mềm mại, co giãn tốt, ép dây bằng sóng siêu âm tăng khả năng chống đứt dây, ép tay bằng sóng siêu âm tăng khả năng chống thấm máu, chất dịch. - Gấp xếp theo nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn.	200
22	Bộ can thủy tinh	Cái	Chất liệu thủy tinh dày, có khả năng chịu nhiệt cao và kháng hóa chất tốt. Kích thước 150x380mm	7
23	Bộ dây máy thở	Bộ	Bộ dây máy thở tiệt trùng, co giãn theo yêu cầu, có thể kéo giãn gấp 3 lần. Độ bền cao, thiết kế linh hoạt, gồm 4 đoạn dây với kích thước và đầu nối khí chuẩn 22mmF, chiều dài $\geq 1,6$m, 02 bẫy nước trong suốt, cơ khuấy xoay nổi tiêu chuẩn 15 và 22mm. Có co nối thẳng riêng, kèm filter 3 chức	900
24	Bộ dây truyền dịch (kim 1 cánh bướm các số)	Bộ	Dây dẫn chính dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có cổng tiêm thuốc. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí có thiết kế màng lọc khuẩn ; 0.2μm vô khuẩn. Bồn đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch 15μm. ; Kim 1 cánh bướm 22G ; Tiệt trùng . Tiêu chuẩn TCVN 6591-4:2008; EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt	150000
25	Bộ dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm các số)	Bộ	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh .Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Kim 2 cánh bướm có các cỡ 22G, 23G. Độ dài dây dẫn ≥ 1500mm. Có van khóa điều chỉnh, Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Bồn nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Tiêu chuẩn TCVN 6591-4:2008; EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	200000
26	Bộ đo huyết áp xâm lấn	Bộ	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn 1 đường 2 trong 1 với dây nối phụ, loại cho người lớn - Thông số cảm biến: Bảo vệ quá áp 6464mmHg, thời gian hoạt động: 168 giờ - Dây đo và dây truyền dịch nguyên liệu PVC cao cấp, không DEHP + Dây đo ID=1.6mm, OD=3.2mm, gồm 2 đoạn: đoạn chính (màu đỏ) dài 180cm và đoạn dây nối phụ (màu xanh) dài 150cm. Dây chính kèm 2 khóa 4 ngã + Dây truyền dịch ID=2.9mm, OD= 4.1mm, dài 180cm, buồng nhỏ giọt 60mm, màng lọc 15micron. - Độ nhạy: 5,0μ V/V/mmHg $\pm 1\%$. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: ± 1mmHg. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms, độ trễ tại 0 ≤ 2mmHg/8 giờ - Cung cấp cáp nối tương thích với monitor mà bệnh viện đang sử dụng. - Có tối thiểu 1 CFS thuộc châu Âu	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
27	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ	- Kim Tuohy cỡ 18G dài 90mm có cánh và vạch đánh dấu mỗi 1cm; được mài mặt trong giảm sắc chống đứt gãy catheter và luồn catheter dễ dàng hơn. - Catheter cỡ 20G dài 100mm có cản quang vật liệu 100% Polyurethane tương thích cơ thể cao nhất; đầu tip đóng và có 3 lỗ bên lan tỏa thuốc. - Bộ phận kết nối catheter dạng vặn xoắn 2 chiều chống tuột ống thông mà vẫn tháo lắp dễ dàng (được cấp bằng sáng chế). - Bơm tiêm LOR cỡ 10ml thiết kế miếng đệm đôi giảm kháng lực và thao tác rất nhẹ nhàng trơn mượt (được cấp bằng sáng chế). - Phụ kiện filter lọc khuẩn 0.2	20
28	Bộ giảm đau ngoài màng cứng	Bộ	- Kim đầu cong Tuohy G18 dài 3 1/4", chuỗi kim trong suốt, có nhiều rãnh chắc chắn - Catheter tối thiểu bằng polyamid trong suốt không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cản quang ngầm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vặn quá mức gây tắc catheter - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2µm, tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, miếng dán cố định màng lọc	20
29	Bộ hút đàm kín	Bộ	Bộ hút đàm kín cho phép sử dụng trong 72 giờ liên tục. Cổng MDI cấu tạo van 1 chiều, các số.	900
30	Bộ mặt nạ Venturi	Bộ	- Mặt nạ và ống oxy làm từ PVC, co nối làm từ vật liệu PP - Dây oxy dài 2m - Có 6 Venturi: 24%, 28%, 31%, 35%, 40%, 50%	60
31	Bộ nhuộm huỳnh quang	Bộ	Bộ nhuộm mycobacteria - Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang - Bộ thuốc thử (công thức tương ứng trên 1 Lít) tối thiểu bao gồm: + 1 chai TB Auramine M: 250 mL + 1 chai TB Khử màu TM: 250 mL + 1 chai TB Potassium Permanganate: 250 mL	70
32	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 3 nòng các cỡ	Bộ	Gồm : catheter, kim luồn, dây dẫn, que nong, dao mổ, nắp đậy đầu catheter, bơm tiêm 5ml, catheter 3 nòng, thẳng hoặc cong, làm từ chất liệu polyurethane, kích thước 5Fx 16cm, 7F x 20 cm, 7F x 16cm catheter, có độ dài được đánh dấu, đường cản quang rõ nét.	1000
33	Bơm cho ăn sử dụng một lần 50ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 50ml (dùng để cho ăn). - Ruột bơm tiêm (pit tông) để hút và bơm thuốc. - Đốc xylanh to nắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Được vô trùng bằng khí EO, không độc, không có chất gây sốt (pyrogene), sử dụng một lần. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	1500
34	Bơm cho ăn sử dụng một lần 50ml	Cái	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP, đốc to lắp vừa dây cho ăn . Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 5903. Xuất xứ Việt Nam	2000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
35	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 10ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm	200000
36	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	Cái	Bơm tiêm nhựa 10 ml. Có Kim. Có loại cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	200000
37	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 20ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm	150000
38	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml	Cái	Bơm tiêm nhựa 20ml. Có kim, có các cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	200000
39	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 50ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 50ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	20000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
40	Bơm tiêm 1ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 1ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đốc kim, nắp đẩy đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	20000
41	Bơm tiêm 50ml (không kim)	Cái	Bơm tiêm nhựa 50ml. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	15000
42	Bơm tiêm 5ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 5ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đốc kim, nắp đẩy đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	150000
43	Bơm tiêm 5ml	Cái	Bơm tiêm nhựa 5ml. Có kim. Có các cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	150000
44	Bơm tiêm cân quang loại 190ml, 1 nòng	Cái	Ổng bơm thuốc cân quang 1 nòng loại 190ml. Bộ đóng gói gồm: 1 bơm tiêm, dây nối 150 cm, ống J. Chịu được áp suất tối đa: 1200 psi. Được làm từ vật liệu polypropylene, polycarbonat, cao su đàn hồi không chứa Latex. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, tiêu chuẩn CE. Tương thích với máy DC045S Imaxeon của Bệnh viện.	200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
45	Bơm tiêm Insulin	Cái	Bơm tiêm Insulin dung tích 1ml chia vạch theo đơn vị 100UI hoặc 40UI. Bơm tiêm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Cỡ kim 30G.	3000
46	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc	Cái	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP (Polypropylene) dùng trong y tế, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa, vạch chia dung tích rõ nét, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8", 26Gx1/2"; Kim làm bằng thép không gỉ, kim sắc nhọn, không gợn, vác 3 cạnh, có nắp đậy, không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Sản phẩm đóng gói đảm bảo vô trùng. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt TCVN 5903:1995; ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; CE; CFS	30000
47	Bông hút nước y tế	Kg	Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 10 giây	500
48	Bông viên fi 15mm không vô trùng	Kg	Bông viên đường kính 15(±1)mm, chất liệu là 100% Bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế. Không vô trùng. Đóng gói 500g/gói.	300
49	Bông viên fi 15mm, vô trùng	Kg	Bông viên đường kính 15(±1)mm chất liệu là 100% Bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế. Vô trùng. Đóng gói tối đa 25g/gói, đóng trong túi đủ 1kg.	300
50	Bông viên tiệt khuẩn	Gói	Hình cầu, kích thước khoảng Ø3cm, độ thấm tốt, dùng để tiêm truyền, cầm máu. Đóng gói 12 gram/gói, 28 miếng/gói.	300
51	Bột cầm máu 1g	Kít	* Gồm: 1 lọ bột cầm máu 1g + vòi bơm chữ T 14cm * Chất liệu bột cầm máu: polysaccharide thực vật (APH), được sản xuất theo công nghệ PURE * Có tính siêu ái nước. Tỷ lệ nước hấp thụ: 0.5g bột/50 ml nước khử ion * Độ bám dính màng liên kết tối thiểu 115g. * Tiêu hoàn toàn sau 48 giờ bằng enzyme amylase * Không ảnh hưởng đến chất lượng máu khi truyền máu tự thân * Tiệt trùng bằng chiếu xạ.	6
52	Buồng đếm Neubauer	Cái	Buồng đếm Neubauer cải tiến, có hai vùng buồng đếm được thiết kế tách biệt nhau. Mỗi vùng buồng đếm nằm trong một vùng lưới ô vuông nhỏ có kích thước 3 x 3 mm. Mỗi buồng đếm được chia thành 9 lưới ô vuông kích thước 1 x 1 mm xem hình. Mỗi trong số chín ô vuông này lại được chia thành các ô vuông có kích thước nhỏ hơn. Trong đó ô số 5 ở giữa còn được chia thành các lưới ô vuông nhỏ hơn nữa. Đầu tiên nó được chia thành 25 ô vuông, sau đó mỗi trong số 25 ô vuông này được chia thành 16 ô vuông nhỏ hơn. Độ sâu của buồng đếm Neubauer cải tiến là 100 micrometer, thể tích một ô vuông lớn là 100 nl. Thể tích của một hàng trong lưới ô số năm được giới hạn bởi ba đường gạch lớn, và gồm 5 ô vuông lớn là 20 nl.	2
53	Cán dao mổ các số	Cái	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	30

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
54	Canuyn mở khí quản 1 nòng có bóng	cái	Đã tiệt khuẩn, sử dụng một lần, các số, chất liệu bằng nhựa	30
55	Canuyn mở khí quản 2 nòng	bộ	Dùng cho bệnh nhân mở khí quản yêu cầu canuyn 2 nòng có cuff, có bóng chèn, có cửa sổ tập nói, có hút trên cuff	60
56	Catheter động mạch	Bộ	Catheter động mạch Artline bao gồm : catheter 18G dài 8/12cm hoặc 20G dài 4.5cm/8cm, Guide wire 0.035"x 50cm hoặc 0.021"x 20cm, Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm , Bơm tiêm 5ml hoặc 2.5ml Đóng gói vô trùng	70
57	Chai hút dịch 2,5 lít	cái	Chất liệu bằng thủy tinh trong suốt, không màu, có chia vạch, nút bằng cao su kín, có hai ống dẫn bằng kim loại hoặc bằng nhựa phù hợp dây dẫn dịch, dung tích 2,5 lít.	30
58	Chất pha loãng đàm (Tinh thể N-Acetyl-L-Cystein)	Lọ	Trạng thái: dạng rắn, màu vàng nhạt. Khối lượng mol: 163,19 g/mol. PH 1,5 - 2,5 (100 g/l, H ₂ O, 20 °C) Tỉ trọng: 1,48 g/cm ³ (20 °C) . Độ nóng chảy: 110,4 °C .Giá trị pH: 1,5 - 2,5 (100 g / l, H ₂ O, 20 °C) Áp suất hơi: <1 hPa (20 °C). Mật độ lớn: 730 kg/m ³ . Độ hòa tan: 179,5 g/l	20
59	Chất tẩy rửa enzyme	Can	1. Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, 2. Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công. Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.89-7.29 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau 3. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) 4. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883 Can ≥ 5 lít.	10
60	Chất tẩy rửa enzyme cho quy trình tẩy rửa thủ công và bằng máy tự động trên dụng cụ y tế, phẫu thuật, nha khoa và dụng cụ nội soi	Can	Thành phần chính: Tổ hợp 5 Enzyme (amylase, protease, lipase, cellulase và mannanase): Alpha-Amylase <5% w/w enzyme Protease: < 10 % w/w, Lipase: < 1 % w/w, Cellulase:< 1 % w/w, mannanase < 1% w/w PH: 7.5-9.5 Chất hoạt động bề mặt: <15% w/w Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	15
61	Chèn lưỡi nhựa	Cái	* Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn nhẵn giảm tổn thương * Mã hóa màu theo kích cỡ (có 8 cỡ: đặc biệt với bệnh nhân sơ sinh, trẻ nhỏ) 00/40; 0/50; 1/60; 2/70; 3/80; 4/90; 5/100; 6/110 * Tổng chiều dài phần chống cắn lưỡi: 13.5 đến 24 mm (size:0-5) * Khối lượng airway: 2.3 đến 19.5g (size: 000-6). * Nguyên liệu PE * Đóng gói tiệt trùng EO * Chứng nhận ISO, FDA.	700
62	Chỉ Chromic Catgut số 1	Sợi	Dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn, sợi màu nâu đồng nhất, không đốm trắng, lực căng đứt ≥ 5.7 kgf .Đóng gói bằng giấy tiệt trùng	300

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
63	Chỉ Nylon số 3/0b	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 3/0, dài 75cm. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 (AISI 420), kim Premium, công nghệ U-filo, phủ silicon, đầu tam giác, dài 24mm, cong 3/8 vòng tròn. Bao sơ cấp đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC. Tiệt trùng bằng Ethylene oxyde. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001. Sản xuất tại Việt Nam.	2000
64	Chỉ PDS 3/0 hoặc tương đương	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 75cm kim tròn 26mm. Kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.	40
65	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut số 2/0	Sợi	Dài chỉ 75 cm, Kim làm bằng thép không gỉ 302 phủ Silicone, kim tròn, cong 1/2. Chỉ số 2/0 vòng kim 32 mm. Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liền kim, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ngày.	700
66	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut số 4/0	Sợi	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon, mũi kim sắc bén. Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn. lực căng đứt là 1.20 kgf. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng.	700
67	Chỉ Polypropylen số 2/0	Sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài 90cm, hai kim tròn, 1/2C. Kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	40
68	Chỉ Polypropylen số 3/0	Sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn, vòng kim 1/2C. Kim bằng thép không gỉ bọc silicone. Độ bền kéo đứt hơn 20% - 50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	40
69	Chỉ Silk 2/0	Tép	Chỉ không tiêu tự nhiên, chất liệu tơ tằm. Chỉ dài 75cm, kim tam giác, được làm bằng thép không gỉ, phủ silicon, cong 3/8. Chỉ số 2/0 vòng kim 26mm	200
70	Chỉ Silk 3/0	Tép	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 18, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói tiệt trùng. Tiệt trùng EO hoặc phương pháp tương đương.	100
71	Chỉ thị hóa học (Browie-Dick test)	Túi	- Chỉ thị hoá học loại 5 - Kích thước: $\geq 70 \times 23$ mm - Chuyển màu: vàng sang đen - 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) - Trên miếng chỉ thị có thông tin: số lô, hạn sử dụng, mã QR - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016; FDA (Hoa Kỳ)	40
72	Chỉ thị kiểm soát gói hơi nước	Chỉ thị	Chỉ thị hóa học loại 5 kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn hơi nước. Đánh giá 3 thông số: Nhiệt độ, thời gian, hơi nước. Phù hợp chương trình tiệt khuẩn 121°C tới 135°C. 20 chỉ thị/ tờ. Kích thước chỉ thị: 65 * 14 mm. Sự đổi màu từ vàng sang đen	17000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
73	Chỉ thị sinh học	ống	- Cho kết quả đọc sau: ≤ 20 phút - Chỉ thị hoá học trên ống chuyển sang màu nâu sau tiết trùng - Nắp màu xanh - Thành phần: Mỗi ống chứa $\geq 1 \times 10^6$ <i>Geobacillus stearothermophilus</i> ATCC 7953; và 0.5-0.7 mL dung dịch nuôi cấy - Bào tử có: giá trị D(121oC): ≥ 2.0 phút; D(135oC): ≥ 15 giây; giá trị z: ≥ 15oC; Thời gian tiêu diệt: ở 121oC: ≥ 20.5 phút; ở 132oC ≥ 4.0 phút; - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016; FDA (Hoa Kỳ)	20
74	Chỉ Vicryl số 1 hoặc tương đương	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide và calcium stearate số 1/0 dài lớn hơn hoặc bằng 75cm, kim tròn 1/2C dài 40mm, duy trì sức căng >65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	40
75	Chỉ Vicryl số 2 hoặc tương đương	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L- Lactide và calcium stearate số 2/0 dài lớn hơn hoặc bằng 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm, duy trì sức căng >65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	40
76	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC14053	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Candida albicans ATCC14053	1
77	Chủng chuẩn Escherichia coli ACTT25922	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Escherichia coli ATCC® 25922™*	1
78	Chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247	1
79	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC27853	Bộ	- Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC27853	1
80	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC25923	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC25923	1

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
81	Clip kẹp mạch máu	Cái	- Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có các răng nhọn - gấp góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động Tiêu chuẩn chất lượng: CE	35
82	Cloramin B	Kg	Hàm lượng: Clorine hoạt tính 25% Clorin Dạng bột màu trắng, mùi đặc trưng clo.	100
83	Cốc đờm	Cái	Dùng để lấy mẫu đờm, miệng rộng ,nhựa trắng trong không bị rò rỉ, chất liệu nhựa PVC	150000
84	Cồn 90 độ	Lít	- Hàm lượng Ethanol đạt 90%	700
85	Cồn tuyệt đối	Chai	Thành phần : Ethanol: 99,5 chất lỏng trong suốt có mùi thơm đặc trưng;.Quy cách: Chai 500 ml; có tem nhãn mác rõ ràng.TCCS số 01/2022;-HN ISO: 13485:2016; HSCB: 220000038/PCBA-BN;	150
86	Cồn y tế 70 độ	Lít	- Hàm lượng Ethanol đạt 70%	5000
87	Cồn y tế 96 độ	Lít	- Hàm lượng Ethanol đạt 96%	1500
88	Cống đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	Cống đựng mẫu, Chất liệu: polystyrene (PS). Kích thước: (dài) 3.8cm x (đường kính miệng) 1.6cm Tương thích với máy sinh hóa tự động	14000
89	Cuộn giấy dán Giấy decal, giấy in barcode	Cuộn	Kích thước: 25mm x 15mm Dùng để in tem mã vạch, 10000 tem /Cuộn trở lên	35
90	Dầu bôi trơn dụng cụ phẫu thuật	Chai	Dùng để bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ Tương thích với tiết khuẩn bằng hơi nước Thành phần: Dầu trắng: ≥ 30 ; Butane, Propane, isobutan: ≥ 5 %; không chứa phụ gia có khả năng gây dị ứng. - Đóng gói dạng chai xịt 200 mL, có kèm vòi xịt (Hoặc tương đương)	8
91	Đầu côn (Đầu côn có lọc 1000 µl)	Hộp	Đầu tip 1000µl, lọc PE, đã được xử lý vô trùng, chống bám dính Chất liệu nhựa Polypropylene. Không silan hóa, không có DNase/RNase, Acid nucleic và chất ức chế PCR trên bề mặt Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.	70
92	Đầu côn 100 - 1000 µl (đóng hộp vô trùng - nuôi cấy vi khuẩn ngoài lao)	Hộp	Đầu côn 100 - 1000 µl dùng để hút hóa chất, hút mẫu xét nghiệm - Đầu côn được làm từ nhựa polypropylene . - Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường; - Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	25
93	Đầu côn 250ul (đóng hộp vô trùng - nuôi cấy vi khuẩn ngoài lao)	Hộp	Đầu côn 250 µl dùng để hút hóa chất, hút mẫu xét nghiệm - Đầu côn được làm từ nhựa polypropylene . - Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường; - Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	70
94	Đầu côn có lọc 10ul	Hộp	Đầu côn có màng lọc, dung tích 10µl .Dùng để hút và đựng mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	70

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
95	Đầu côn có lọc 200 μ l	Hộp	Đầu tip 200 μ l, lọc PE, đã được xử lý vô trùng, chống bám dính Chất liệu nhựa Polypropylene. Không silan hóa, không có DNase/RNase, Acid nucleic và chất ức chế PCR trên bề mặt Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.	70
96	Đầu côn vàng (Đầu côn vàng 200ul)	Cái	Chưa tiệt trùng - Chứng nhận DNase/RNase-free, không chứa DNA người, không chứa chất gây sốt - Chất liệu: polypropylene, màu vàng, có chia vạch - Độ dài đầu côn: 51.4 mm - Tương thích với nhiều loại pipet	20000
97	Đầu côn xanh (Đầu côn xanh 1000ul)	Cái	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, Kích thước: 8*69mm. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. ISO 9001; ISO 13485;	8000
98	Dầu soi kính hiển vi	Chai	Dùng trong phân tích, quan sát các mẫu bằng kính hiển vi. Quy cách chai 500ml	2
99	Dây garo	Cái	Dây garo chất liệu thun cotton	700
100	Dây garo có dính	Cái	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu	40
101	Dây hút dịch ECO sử dụng một lần	Cái	Ống hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ 5-6-8-10-12-14-16-18. Có 2 loại có nắp và không nắp. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Loại có nắp được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Xuất xứ: Việt Nam Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	14000
102	Dây hút dịch sử dụng một lần	Cái	Các số : 6, 8, 10, 12, 14, 16. Đảm bảo vô khuẩn. Chiều dài dây 50cm. Nguyên liệu PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng. Không quá cứng hoặc quá mềm. Ống trơn láng, không sần sùi hoặc đập nứt. Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Có van kiểm soát, điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm dễ dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay. Thân ống đục đủ 2 lỗ bầu dục theo tiêu chuẩn.	14000
103	Dây nhựa 8 ly	mét	Dây nhựa trắng, trong, đường kính trong khoảng 8 mm, đường kính ngoài của cả dây khoảng 1cm dây chịu áp lực cao	300
104	Dây nối bơm tiêm diện 150cm	Cái	- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong: 0,9 mm ($\pm$ 0,1 mm) - Đường kính ngoài: 1,9mm ($\pm$ 0,1 mm) - Chiều dài dây 150cm - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP. - Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng	140000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
105	Dây nối bơm tiêm thuốc cân quang	Cái	Dây nối bơm tiêm điện dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang, được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 4.1mm. Có khóa kết nối luer lock, khóa chặn dòng, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 30/75/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3000
106	Dây thở oxy	Bộ	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên	10500
107	Dây truyền dịch vô trùng sử dụng một lần 20 giọt/ml, kim các cỡ	Sợi	- Dây truyền dịch có lỗ thông khí và màng lọc hydrophobic ngăn chặn vi khuẩn - Ống dây PVC mềm, không chứa DEHP và chống gãy gập dài 180cm (OD 3.8mm± 0.5mm, ID 2.75mm ± 0.5mm). Tốc độ 20 giọt/phút - Buồng nhỏ giọt hình trụ trong suốt. Đĩa lọc chất lỏng 15micro bên dưới buồng nhỏ giọt lọc bắt kì hạt nào trong chất lỏng - Có cổng Y không chứa latex vật liệu poly isoprene dùng để bơm thuốc - Khóa điều chỉnh con lăn hiệu quả đảm bảo kiểm soát tốc độ dòng chảy tốt hơn - Khóa luer lock đảm bảo kết nối an toàn với các thiết bị khác - Có kim kèm theo Đóng gói vô trùng, dùng 1 lần, không gây sốt, đóng gói riêng lẻ	10000
108	Dây truyền máu	Bộ	Dây truyền máu có kim 19G, có bầu đếm giọt 2 ngăn hình trụ, bộ lọc 200 micron, dây dài 150 cm chống xoắn, đầu ghim vào túi máu khít, không rò rỉ, tốc độ 20 giọt / ml. Đường kính : ID 2.75 mm, OD 3.8 mm, chất liệu dây và bầu đếm giọt PVC không gây sốt, không chất cao su. Tiệt trùng EO. Hạn dùng 4 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 9001, 13485:2016	700
109	Đè lưỡi gỗ vô trùng	Cái	Yêu cầu: chất liệu gỗ; kích thước 150mm x 20mm x 2mm. Tiệt trùng	10000
110	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Test	Phát hiện, phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút sốt xuất huyết tuýp I, II, III và IV trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Phức hợp kháng nguyên đặc hiệu vi rút sốt xuất huyết và vàng được đặt ở vùng cộng hợp, và kháng thể kháng IgG và IgM người được cố định trên màng - Độ nhạy: 98.29% (IgG), 97.92% (IgM), Độ đặc hiệu: 97.76% (IgG), 100% (IgM) so với thử nghiệm ELISA - Giới hạn phát hiện: IgG: 1.16 ± 0.02 ratio, IgM :0.86 ± 0.02 ratio - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Hemoglobin, Bilirubin, Triglycerid - Các chất chống đông như heparin, EDTA và natri citrat không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận	1400

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
111	Dengue virus NS1 Ag test nhanh	Test	- Định tính phát hiện kháng nguyên NS1 của vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Phức hợp kháng thể đặc hiệu vi rút sốt xuất huyết và vàng được đặt ở vùng cộng hợp, và kháng thể kháng kháng nguyên NS1 được cố định trên màng - Độ nhạy tương đối: 97.16%; Độ đặc hiệu tương đối: 100% so với phương pháp RT-PCR - Giới hạn phát hiện: Tuýp 2: 0.006125 µg/ml, tuýp 3: 0.00153125µg/ml, tuýp 4: 0.006125 µg/ml - Không có phản ứng chéo Corynebacterium diphtheria, Hemophilus influenzae, Staphylococcus aureus , Steptococcus pheumoniae , Steptococcus pyogenes (1×10⁸CFU/ml), Adenovirus tuýp 3, Vi rút cúm A, B, Vi rút Sởi, Vi rút parainfluenza tuýp 1,2,3, Vi rút hợp bào hô hấp, Rotavirus , Rubella Virus, Vi rút viêm não Nhật Bản (1×10⁴ pfu/ml) - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Hemoglobin, Bilirubin , Triglycerid - Các chất chống đông như heparin, EDTA và natri citrat không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận	1400
112	Di natri hydrophosphat (Tinh thể Na2HPO4.2H2O)	Lọ	Công thức: Na2HPO4.2H2O Khối lượng phân tử: 141,96 g/mol Điểm nóng chảy: 250 °C ID IUPAC: Sodium hydrogen phosphate Mật độ: 500 kg/m³ Có thể hòa tan trong: Nước Anion khác: Natri phosphit Chai 500 g	20
113	Đĩa petri vô trùng 90mm	Cái	Chất liệu nhựa PS tinh khiết 100%, trong suốt, đường kính 90mm, không chia ngăn. Dùng trong nuôi cấy tế bào. Tiệt trùng bằng khí EO.	3500
114	Điện cực dán	Cái	Điện cực dán dùng cho đo điện tâm đồ, kích thước 37 x 41mm. Tiêu chuẩn CE	10500
115	Đồng hồ Oxy	Bộ	Điều áp loại pít tông, có lưu lượng kế và chai tạo ẩm Áp suất đầu vào tối đa đạt 3000psi hoặc 4000 psi. Phạm vi lưu lượng: 0-15 LPM / 0-10 LPM / 0-5 LPM Sử dụng với xi lanh oxy Đồng hồ có vạch chia độ chính xác, dễ đọc.	25
116	Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ các kích cỡ	Cái	Dùng để bảo vệ vết thương, đường kính 2 - 4cm, 1 vòng màu xanh ở trên co giãn được, từ Pellethane, màng film trong suốt ở giữa, chất liệu Polyurethane, 1 vòng màu xám ở dưới linh hoạt, từ Pellethane. Tiêu chuẩn CE, ISO, FDA.	15
117	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	Chai	Dung dịch đánh tan gỉ sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion, > 30% phosphates pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10%) Độ nhớt: < 50 mPa s ((trong dung dịch đậm đặc, 20 °C)	25

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
118	Dung dịch diệt khuẩn phòng mổ và buồng bệnh	Can	Thành phần: Hàm lượng 0,012% Ag (trong đó 85 % bạc nano).	35
119	Dung dịch khử khuẩn, tiết khuẩn lạnh cho ống nội soi và dụng cụ y tế	Can	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 17111 và EN 14563. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. Tiêu chuẩn CE, CFS Châu Âu	70
120	Dung dịch KOH 20%; chai ≥ 500 ml	Chai	Dung dịch KOH 20%; chai ≥ 500 ml	3
121	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Can	Didecyl dimethyl ammonium Chloride 10% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 1.5% (w/w); chất hoạt động bề mặt non-ionic; và các phụ gia vừa đủ 100%. Can ≥ 5 L.	15
122	Dung dịch ngâm khử khuẩn và tiết khuẩn lạnh dụng cụ	Can	Thành phần: Glutaraldehyde 2% . Có tác dụng trong vòng 28 ngày (kiểm tra hoạt lực bằng que thử). Đạt tiêu chuẩn: CE	150
123	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt dụng cụ y tế chuyên dùng trong	Can	Didecyl dimethyl ammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%.	15
124	Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt	Can	Dung dịch khử khuẩn bề mặt qua đường không khí chứa thành phần: Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bào tử: EN 13704	35
125	Dung dịch rửa tay nhanh	Can	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l)	70
126	Dung dịch sát khuẩn tay	Chai	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia (chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu) vừa đủ 100%. Khử khuẩn tay thường quy và ngoại khoa. Sản phẩm có tác dụng diệt 99,99% các vi sinh vật được thử nghiệm gồm S.aureus, P. aeruginosa, Shigella, M.tuberculosis, Bacillus subtilis và nấm C. albicans sau 30 giây tiếp xúc	300

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
127	Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa	Can	1. Chlorhexidine digluconate 4% 2. Xà phòng khử khuẩn cho vệ sinh tay ngoại khoa pH = 5.5 3. Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. 4. Diệt virus HIV, Rotavirus, HBV, HCV Can ≥ 5L	7
128	Gạc 5x7 cm	Miếng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	5500
129	Gạc 6x15 cm	Miếng	Kích thước: 6 x 15cm. Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn chứng nhận đăng ký FDA, CE hoặc tương đương, cGMP-FDA	1500
130	Gạc củ ấu nhỏ	Miếng	Chất liệu: 100% sợi cotton, không có độc tố, tẩy trắng bằng oxy già, không có tinh bột và dextrin, độ hút nước ≤5 giây, mật độ 18x20 sợi/cm ² , trọng lượng gạc ≥32gr/m ²	3500
131	Gạc củ ấu to	Cái	Gạc củ ấu, đường kính 25, vô trùng	700
132	Gạc hút y tế	Mét	Gạc hút nước chỉ có sợi bông, 100% cotton. Mỗi cm ² có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. Giới hạn tạp chất : Clorid ≤ 0,01%; Sulfat : ≤ 0,02%; Calci ≤ 0,06%; Tro : không quá 0,3%; chất béo và chất nhựa hòa tan trong ether ≤ 0,3%; giảm khối lượng do sấy khô ≤ 8,5% .	1500
133	Gạc Meche phẫu thuật	Miếng	3,5cm x 75cm x 8 lớp, có cản quang, vô trùng, gói 3 miếng	700
134	Gạc phẫu thuật 10cm x10cm x 12 lớp vô trùng	Miếng	"Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm-hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: <8%; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Các chất tan trong nước: 0,5% ; - Trọng lượng: 23g/m ² . - Mật độ sợi : ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; - Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp. Đóng gói: 10 cái/gói; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas " . Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương, FDA.	7000
135	Găng khám các cỡ	Đôi	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm ² . Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm ² . Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485,. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	70000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
136	Găng phẫu thuật tiệt trùng các số	Đôi	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm ² , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	15000
137	Găng tay cao su y tê có bột các cỡ	Đôi	Găng tay cao su tự nhiên, có bột, găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay. Đạt tiêu chuẩn TCVN 6343. Màu sắc: Trắng. Kích cỡ: XS/S/M/L/XL. Trọng lượng (±0.2gr): XS: 4.0gr, S: 4.5gr, M: 5.0gr, L: 5.5gr, XL: 6.0gr. Chiều dài: 240mm±5. Chiều rộng (mm): XS: 75±5, S: 85±5, M: 95±5, L: 105±5, XL: 115±5. Độ dày (mm): Lòng bàn tay: 0.10mm - 0.12mm; Đầu ngón tay: 0.11mm - 0.13mm. Lực kéo đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: min 20MPa/16Mpa. Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: min 700%/600%. Hàm lượng bột: max 10mg/dm ² . Hàm lượng Protein: max 100µg/dm ² .	100000
138	Găng tay không bột	Đôi	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không bột, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0.10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm ² .	15000
139	Gel bôi trơn	Tuýp	Purified water, Glycerin, Propylene glycol, Aloe Vera extract, Hydroxypropyl methylcellulose, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Disodium ethylenediamin tetraacetate, Ethylhexylglycerin (and) Phenoxyethanol (0.5%). pH: 6,38, Gel có độ tinh khiết cao, tan trong nước, gel trong không màu, không mùi, không bọt khí, không chứa cồn, không chứa chất ăn mòn và không gây kích ứng da. Quy	200
140	Gel siêu âm	Can	Thành phần chính: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium Benzoate, ... Cảm quan: Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh, không mùi. pH 6,5 - 7,5. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Quy cách: Can 5 lít.	70
141	Giá đựng ống ly tâm 1,5-2ml	cái	Chất liệu: nhựa có độ bền cao, siêu cứng , có thể chịu được cồn và dung môi hữu cơ nhẹ; có 80 vị trí (5×16), được đánh dấu bằng số thứ tự giúp dễ dàng định danh, theo dõi; có thể chứa được ống li tâm dạng eppendorf 1.5ml, 2.0ml	7
142	Giấy chỉ thị nhiệt	Cuộn	Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước dùng để: - Cố định gói dụng cụ chắc chắn - Phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa • Kích thước: 18mm x 55m • Thành phần: - Saturated Crepe paper 40-50%, Adhesive 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Steam indicator ink 0.5- 2%. • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485-2016	3
143	Giấy điện tim 12 kênh	Tập	Tập kích thước 210mm x 295mm. Tập 150 tờ. Giấy in nhiệt có kẻ ô màu đỏ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	35
144	Giấy điện tim 3 kênh 63mm x 30m	Cuộn	Yêu cầu: giấy in nhiệt có kẻ ô, kích thước 63 mm x 30m	150

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
145	Giấy điện tim 6 cần	Tập	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm-200 tờ	1000
146	Giấy in nhiệt	Cuộn	Giấy in nhiệt kích thước 80mm x 25m	700
147	Giấy in nhiệt (giấy in cho máy thử nước tiểu)	Cuộn	Giấy in nhiệt, Kích thước 57mm x 30m.	700
148	Giấy in nhiệt máy điện tim Cardio7	Cuộn	Giấy in nhiệt thích hợp với máy điện tim Cardio7	50
149	Giấy siêu âm	Cuộn	Kích thước 110mm x 20m. Chất lượng giấy hoàn hảo, đặc tính cắt mịn và sạch, thuận tiện cho người sử dụng. Có lớp chống quăn và có thể duỗi thẳng dễ dàng. Lớp HG được phủ một lớp UV chất lượng cao. Hình ảnh in có khả năng chống nhiệt và độ ẩm cao và có thể bảo quản hình ảnh trong thời gian dài mà không bị thay đổi. Tương thích với máy in Sony của Bệnh viện.	200
150	Giemsa mẹ	Chai	Nhuộm Giemsa được sử dụng chủ yếu trong nhuộm máu và phát tể bào tủy xương. Độ pha loãng khuyến nghị 1:10 hoặc 1:15 trong dung dịch đệm Sorensen phosphate pH 6,5-6,8 Thành phần dung dịch gồm có: Metanol: <50% Glycerol: <25% Ethylene Glycol: <25%	20
151	Giemsa mẹ	Chai	Điểm sôi >65 °C (1013 hPa) Khối lượng phân tử: 0.99 g/cm3 (20 °C) Điểm chớp cháy: 18 °C Nhiệt độ cháy: 455 °C pH 6.0 - 8,2 (H ₂ O, 20 °C). Xuất xứ G7	10
152	Hóa chất Hydrogen peroxide 3% (Dung dịch H ₂ O ₂)	Chai	Hóa chất thí nghiệm Công thức hoá học: H ₂ O ₂ .	4
153	Hóa chất nhuộm dùng trong y tế (xanh cresyl)	Chai	Thuốc nhuộm xanh Cresyl. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	2
154	Hóa chất Potassium dihydrogen phosphate (KH ₂ PO ₄)	Chai	Công thức : KH ₂ PO ₄ Hàm lượng : ≥ 99.5 % pH: 4.2 - 4.5 Trạng thái: Chất bột trắng Chai ≥250 g	15
155	Hóa chất Sodium hydroxide (Tinh thể NaOH tinh khiết)	Chai	Công thức : NaOH Hàm lượng : ≥ 99.5 % Giá trị pH : 14 (H ₂ O, 20°C) Chai ≥500g	15
156	Huyết áp kế đồng hồ	Bộ	01 đồng hồ đo áp lực -Hệ thống bơm khí: 01 bóng bơm khí, 02 ống dẫn khí, 01 van xả khí -01 dải băng cuộn tay bằng Cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm (+-<=2%) -01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm (+-<=2%) -01 túi đựng	50

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
157	Influenza virus A,B test nhanh	Test	- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính các kháng nguyên cúm A và B trong các mẫu bệnh phẩm từ dịch tiết ở mũi. - Loại A: Tương quan với RT-PCR: Độ nhạy: 82%, Độ đặc hiệu: 100%, độ chính xác 95,9% - Loại B: Tương quan với RT-PCR: Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100%, độ chính xác ; 100% - Đọc kết quả trong 8 phút. - Kit thử ổn định nhất 5 tuần khi ở nhiệt độ 60 độ C - Kết quả thử nghiệm vẫn có thể đáp ứng các tiêu chí chấp nhận được sau khi sản phẩm tiếp xúc với độ ẩm 20~30%, 50~60% và 70~80% trong 8 giờ khi mở sản phẩm - Đạt chứng nhận ISO, EUFSC	7000
158	Kéo cắt chỉ 10cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ. -Đầu mũi thẳng, cong. -Dài 10 cm	35
159	Kéo thẳng 2 đầu tù	Cái	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước 16cm.	35
160	Kéo thẳng nhọn 14cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ. - Dài 14 cm	35
161	Kẹp phẫu tích có mẫu 16cm	Cái	Nhíp nhọn 16cm, thép không gỉ	35
162	Kẹp phẫu tích không mẫu 16cm	Cái	Chất liệu thép không gỉ.	35
163	Khăn lau khử khuẩn bề mặt (không cồn)	Hộp	Khăn tẩm dung dịch Didecyldimethyl ammonium chloride 0.3% và không chứa cồn Tuổi thọ: ≥ 3 tháng kể từ ngày mở túi Hộp ≥ 100 khăn	35
164	Khẩu trang 4 lớp	Cái	- Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 02 lớp vải không dệt và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn $>99\%$ (metlblown). - Vải không dệt + Giấy lọc kháng khuẩn dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. - Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng, quai đeo mềm không gây kích ứng da. - Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO. - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV; ISO 9001 :2015, CE.	20000
165	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng	Cái	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng	40000
166	Khẩu trang y tế N95	Cái	Vải không dệt Có 5 lớp, có 2 lớp vi lọc chuyên dụng BFE $\geq 99\%$. Lớp vải không dệt trong cùng tiếp xúc với da, không gây dị ứng, ngứa, không chứa thành phần độc tố Kích thước khẩu trang 11 x 16 cm (± 0.5) Khả năng kháng tia máu nhân tạo tại áp suất 16.0 kPa. Chiều dài nẹp mũi 9.0 cm (± 0.5) Chiều dài thun móc tai 17cm (± 0.5) chưa tính mép dính. Chống thấm máu tại 120mmHg Đóng gói: 1 cái /gói không vô trùng Chứng chỉ: ISO 13485:2016 (TCVN ISO 13485:2017) ISO 9001:2015 CE, FDA, cGMP	12000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
167	Khay ống chứa mẫu 2ml	Hộp	24x96 ống/hộp Tương thích với máy Qiasymphony SP	2
168	Khay quả đậu	Cái	Chất liệu: inox không gỉ. Inox dày, chắc chắn, lòng sâu -	30
169	Khay thử xét nghiệm định tính các kháng nguyên virus	Test	Xét nghiệm nhanh kháng nguyên đường hô hấp bộ kết hợp dùng hóa chất tách chiết các kháng nguyên virus và phương pháp Sandwich kháng thể kép để phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2, vi rút Cúm A, vi rút Cúm B, RSV và ADV trong các mẫu bệnh phẩm lấy từ dịch tỵ hầu. - Dạng khay bốn (4 khay) - Hiệu suất lâm sàng so với xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: Covid-19, Cúm A, Cúm B, ADV và RSV - Độ nhạy Covid-19: 95.74% ; Độ đặc hiệu Covid-19: 99.28% ; Độ chính xác: 97.85% - Độ nhạy cúm A: 93.14% ; Độ đặc hiệu cúm A: 98.40% ; Độ chính xác: 97.62% - Độ nhạy cúm B: 94.20% ; Độ đặc hiệu cúm B: 98.59 % ; Độ chính xác: 97.87% - Độ nhạy RSV: 93.07% ; Độ đặc hiệu RSV: 99.00% ; Độ chính xác: 97.20% - Độ nhạy ADV: 92.30% ; Độ đặc hiệu ADV: 99.33% ; Độ chính xác: 97.20%	7000
170	Khay thử xét nghiệm phát hiện Virus hợp bào hô hấp (RSV)	Test	Thử nghiệm phát hiện định tính các kháng nguyên RSV từ các mẫu bệnh phẩm mũi họng của con người (gạc, rửa mũi họng và hút), dạng khay. Không có phản ứng chéo với các mầm bệnh đường hô hấp thông thường, các sinh vật và chất khác đôi khi có trong các mẫu dịch mũi họng: Cúm týp A, Cúm týp B, Adenovirus * Thành phần: - Kháng thể đơn dòng chuột chống lại vi-rút hợp bào hô hấp - polystyrene latex màu đỏ. - polystyrene latex xanh. - Màng nitrocellulose. - Kháng thể dê chống lại immunoglobulin chuột. - Liên hợp vàng. * Thành phần tấm -Kháng thể đơn dòng kháng virus hợp bào hô hấp của chuột. - Anti-Rabbit IgG * Độ nhạy, độ đặc hiệu: -Độ nhạy = 95% (CI%:95%: 73,97% đến 99,87%) -Độ đặc hiệu = 100,00% (CI%:95%: 69,15% đến 100,00%) -Độ chính xác= 96,55% (CI%:95%:82,24% đến 99,91%) * Giới hạn phát hiện: 50ng/ml - Tuổi thọ 23 tháng - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2FSC G7	2000
171	Khóa 3 chạc có dây nối	Cái	Đặc điểm kỹ thuật: • Được sử dụng để chuyển vị trí thao tác ra khỏi vị trí chọc hút tĩnh mạch. • Khóa ba chiều quản lý cơ sở vật chất bổ sung từ cổng bên cũng như chuyển đổi đường dây. • Có chiều dài ống từ 5cm đến 500cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	4000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
172	Khóa 3 ngã (không dây)	Cái	"Đặc điểm kỹ thuật: • Được thiết kế để tạo điều kiện chuyển đổi dịch truyền dễ dàng • Khóa xoay và Công tuân theo ISO:80369-7:2016 cho sự an toàn và khi kết nối với các thiết bị khác • Easy eject là tính năng sẵn có • Chịu được áp lực lớn • Chịu đc uốn cong 45 độ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE"	3500
173	Kim cánh bướm	Cái	Cấu tạo Bộ kim cánh bướm bao gồm: dây truyền, kim truyền, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói - Được xử lý tiệt trùng bằng khí E.O theo quy trình kín, không độc, không chất gây sốt. - Vật liệu làm đốc kim truyền: Chất dẻo và được nhuộm màu theo tiêu chuẩn quốc tế gồm các cỡ. - Có gắn dây nối dài 30 cm, chống xoắn, mềm dẻo, trong suốt.	7000
174	Kim cấy chỉ	Cái	Kim cấy chỉ dùng một lần bao gồm thân kim, lõi kim được làm từ sợi thép y tế không gỉ 12Cr18Ni9, Giá lót lõi, Giá đỡ kim và Ống bảo vệ được làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế. Các cỡ. Số 7 (0.7*55mm), Số 8 (0.8*55mm), Số 9 (0.9*68mm)	700
175	Kim châm cứu dạng vi nhôm, tay cầm bằng thép không gỉ các cỡ	Cái	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều, bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn. - Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gãy, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp - Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,16 - 0,45)mm x (13– 75) mm - Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét và không có vết nhám, gờ, rìa gai hoặc móc - Đầu kim không bị cong hoặc rạn nứt sau khi bị tác động áp lực và lực châm tiêu chuẩn - Kim được đóng gói vô trùng, mỗi kim là khuôn riêng biệt. Vi được làm từ nhựa và giấy, dễ xé trong quá trình sử dụng, đảm bảo vô khuẩn. Vi được tạo đường rãnh xé giữa các kim, dễ dàng xé từng kim khi sử dụng mà không ảnh hưởng đến các kim còn lại. - Thiết kế an toàn, dễ sử dụng, tiết kiệm thời gian. - Chứng nhận: ISO 13485:2016	150000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
176	Kim chọc dò và gây tê tủy sống số các cỡ 18-27G	Cái	- Kim gây tê tủy sống loại Quincke (3 mặt vát), mặt vát chính 16 ± 1 độ, 2 mặt vát bên 35 ± 4 độ - Góc xiên chính của que thông nòng (Stylet): 20 ± 5 độ - Kim bằng thép không gỉ SUS 304, không chứa chất gây sốt (pyrogenic) - Cánh (Polypropylene) lớn, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm kim chắc hơn - Chuôi kim (Polycarbonate) trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Đủ các size chặn lẻ từ 16G - 27G. Chiều dài 90mm (3 1/2"). - Tiệt trùng EO - Xuất xứ: Nhóm nước OECD. Có ít nhất 1 CFS thuộc nước tham chiếu theo ND98.	200
177	Kim khâu da	Cái	Đã tiệt khuẩn, sử dụng 1 lần. Chất liệu hợp kim, khâu da kim cong, thân 3 cạnh; Các số, tiêu chuẩn EC	700
178	Kim lấy máu đo đường huyết	Chiếc	Dùng để lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu. Sản phẩm sử dụng một lần.	7000
179	Kim lấy máu động mạch	Chiếc	Bơm tiêm 1ml, chất liệu bằng nhựa, có chất chống đông Lithium Heparin dạng đông khô 15 IU, tự động hút mẫu dùng để lấy máu xét nghiệm khí máu, thể tích 1ml	35000
180	Kim luân tĩnh mạch	Cái	- Kim luân tĩnh mạch, có cánh, có cổng tiêm thuốc - Kim thép không gỉ, mặt vát - Ống thông vật liệu FEP, 3 đường cân quang, có bộ lọc ky nước. Ống thuận và chống gập - Buồng báo máu hồi lưu có màng ngăn trào máu, trong suốt để quan sát trực quan - Thời gian lưu kim tối đa 72h - Đóng gói riêng lẻ từng vỉ. Vô trùng, không độc hại, không gây sốt - Kích cỡ: 14G: 2.1x45mm - 240ml/min 16G: 1.7x45mm - 160ml/min 18G: 1.3x32mm - 90ml/min 20G: 1.1x32mm - 65ml/min 22G: 0.9x25mm - 36ml/min 24G: 0.7x19mm - 23ml/min 26G: 0.6x19mm - 17ml/min - Tiêu chuẩn ISO, CE	70000
181	Kim luân tĩnh mạch dạng bút	Cái	- Kim luân kiểu hình bút, đóng gói đơn chiếc bằng vỏ nhựa. - Kim sắc số 18G x 2", 20G x 2", 22G x 1", 24G x 3/4". Có 3 vạch sọc Xray, tác dụng cân quang và tăng cứng dai cho đầu Silicon. Tiệt trùng 2 lần bằng chùm điện tử và khí EO hoặc tương đương.	2000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
182	Kim sinh thiết	Cái	* Mục đích: Thiết bị sinh thiết bán tự động, sinh thiết mô mềm như Gan/Phổi/Tuyến tiền liệt. * Hệ thống bán tự động loại tru-cut với 2 độ xuyên sâu (10-20mm), trên thân ống có vạch chia độ sâu * Stylet: Thép không gỉ AISI304, được kết nối với hệ thống có rãnh để giữ mẫu vào trong, còi và đầu xuyên thấu. * Có kèm kim dẫn đường * Mã hóa màu theo các kích cỡ kim: 14G, 16G, 18G, 20G. Chiều dài 07-10-15-18-20-25cm * Tiệt trùng EO, không chứa latex * Tiêu chuẩn ISO 13485; chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu. Xuất xứ: Châu Âu	200
183	Kim tiêm	Cái	- Kim cấu tạo thép không gỉ. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. - Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	840000
184	Kit xét nghiệm vi khuẩn lao kháng RIF	Test	Kit xét nghiệm phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn lao kháng RIF Độ nhạy: $\geq 99\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ Số lượng: 10 test/Hộp	7000
185	Lam kính mài	Cái	Chất liệu : thủy tinh Kích thước $\geq 25 \times 75 \text{ mm}$ Độ dày : 1,0-1,2 mm	200000
186	Lamen 22x22	Cái	Kích thước 22x22 mm	2000
187	Lamen, 24x40	Cái	Chất liệu: thủy tinh trong suốt, kích thước 22mm x 40mm. Không mốc, không xước. Quy cách: ≥ 100 cái/Hộp	2000
188	Lọ đựng nước tiểu có nắp	Cái	Ống nghiệm nhựa PS có nắp, kích thước, đựng được bao nhiêu ml	7000
189	Lọ mẫu đựng bệnh phẩm vô trùng	Cái	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong. Tiệt trùng Đóng gói: 01 cái/túi	4500
190	Lọ mẫu đựng bệnh phẩm vô trùng có thìa	Cái	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong, có thìa. Tiệt trùng Đóng gói: 01 cái/túi	2000
191	Lưỡi dao mổ các số	Cái	Dao phẫu thuật dùng một lần, cán nhựa, lưỡi bằng thép không gỉ	2000
192	Mask khí dung	Cái	Chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh cứng trong, không độc hại - Được tiệt trùng bằng khí EO - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương - Không chứa DEHP - Tiêu chuẩn ISO13485, CE	200000
193	Mask Silicon	Cái	Mặt nạ gây mê được làm bằng silicone y tế. Đầy đủ size cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh tương ứng các số 0, 1, 2, 3, 4, 5. Chứng nhận ISO 5356-1	30

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
194	Mặt nạ thở oxy	Cái	- Mask vật liệu PVC . Kích cỡ dài x rộng người lớn (130mm x 85,5mm), trẻ em (95mm x 70mm) - Co nối vật liệu HDPE - Dây thun đeo cổ định dài 48cm - Kẹp mũi nhôm - Co nối Female - Dây oxy dài 190cm/210cm Chất lượng ISO, FDA	700
195	Mặt nạ thở oxy có túi	Cái	Mask thở oxy có túi, nồng độ cao bao gồm: - Mask thở vật liệu PVC - Co nối Female - Túi trữ khí 1000ml, PVC Folio, van màng silicone độ dày 0,4mm - Dây đeo cổ định dài 48cm - Kẹp mũi nhôm - Dây oxy dài 190cm/210cm - Mask oxy cung cấp 80-100% oxy nồng độ cao, tốc độ dòng 10-15l/phút - Không DEHP , không latex. Chất lượng ISO, FDA	300
196	Mặt nạ xông khí dung	Cái	- Chất liệu: Mask thở PVC y tế, bầu chứa thuốc vật liệu nhựa PP - Kích thước: Mask thở đường kính 2 lỗ xả trái phải 20mm ± 0,2 mm - Tốc độ phun tối đa 3ml/10 phút. Kích thước hạt 3-7.5micro. - Ống dây kết nối 190cm hoặc 210cm ±10 cm - Dây thun đeo cổ định dài 48 cm ± 5 cm - Kẹp mũi nhôm Đóng gói riêng lẻ từng cái	100000
197	Máy xông khí dung	Bộ	- Tiêu chuẩn ISO, FDA Máy xông nén khí '- Điện 220-240V; 50Hz - Phụ kiện đi kèm :Máy nén khí, bộ xông, ống dẫn khí (PVC 200cm), ống ngậm, mặt nạ người lớn (PVC), mặt nạ trẻ em (PVC), 5 miếng lọc dự phòng, hướng dẫn cách sử dụng, - Kích thước hạt: Khoảng 3µm MMAD (MMAD = đường kính trung bình khí động học); - Dung tích cốc: tối đa 7ml; Lượng thuốc thích hợp: Tối thiểu 2ml - tối đa 7ml - Tốc độ phun khoảng 0,4 ml/phút. - Bảo hành tối thiểu 12 tháng	40
198	Micropipet 0.5-10 µl	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiệt trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thể tích sử dụng: 0,5 - 10 µL - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 4 đến ±1% - Độ lặp lại: ≤2,8 đến ≤0.4%	3

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
199	Micropipet 10 ul - 100 µl	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiệt trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thể tích sử dụng: 10 - 100µL - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 3.0 đến $\pm 0.8\%$ - Độ lặp lại: ≤ 1.0 đến $\leq 0.2\%$	3
200	Micropipet 100- 1000 µl	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiệt trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thể tích sử dụng: 100 - 1000 µL - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 2.5 đến $\pm 0.6\%$ - Độ lặp lại: ≤ 0.6 đến $\leq 0.2\%$	3
201	Micropipet 200 µl	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiệt trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thể tích sử dụng: 200 µL - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 4 đến $\pm 1\%$ - Độ lặp lại: $\leq 2,8$ đến $\leq 0.4\%$	1
202	Miếng dán phẫu trường kích thước 28x45cm	Miếng	*Miếng dán được làm từ polyurethane và/hoặc film polyethylene có thể cắt được. *Trong suốt, chống nước và vi khuẩn, không gây dị ứng. Độ đàn hồi cao và độ bám tốt, siêu mỏng. Phân rìa màu xanh để tay nắm giữ *Sử dụng trước và trong phẫu thuật	70
203	Mũ giấy phẫu thuật vô khuẩn	Cái	Chất liệu: vải không dệt, có viền thun đàn hồi. Được tiệt trùng và đóng gói từng cái	3500
204	Mực tàu	ml	Dung dịch mực tàu, sử dụng trong phương pháp nhuộm mực tàu tìm nấm, dạng dung dịch, sẵn sàng sử dụng, thành phần tối thiểu gồm: mực tàu, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
205	Natri citrat	Lọ	Natri citrat có công thức hóa học là $\text{Na}_3\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_7$. Có vị mặn, vị chua nhẹ và là một chất kiềm nhẹ. Quy cách: Chai 500gr	15
206	Nước cất 2 lần	Lít	Yêu cầu: có phiếu kiểm nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn nước cất 2 lần của Dược điển Việt Nam 4.	1400
207	Ống chứa máu kháng đông Heparin	Cái	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/ phút trong thời gian 5-10 phút Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông Heparin	90000
208	Ống chứa máu kháng đông Natri Citrate	Cái	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính. Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy bệnh phẩm, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông muối Natri citrate (Trisodium Citrate/ Trisodium Citrate Dihydrate/NACN)	4000
209	Ống dẫn lưu dịch màng phổi loại thẳng bằng silicon	Cái	Loại thẳng, đã tiệt khuẩn, chất liệu bằng silicon, có các lỗ thoát dịch chống tắc nghẽn, áp lực - 120 ± 5 mmHg, dài 500mm. Đóng gói 1 cái/vi, 10 cái/hộp.	35
210	Ống eppendorf 1,5ml (không bị biến dạng khi ly tâm tốc độ cao)	Cái	Chất liệu: Nhựa PP, có nắp dính liền, đáy nhọn. Thể tích: 1.5ml. Thành tron lóng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm. Dùng lưu mẫu vận chuyển mẫu. Xuất xứ: G7	4500
211	Ống hút dùng trong phẫu thuật	Cái	Chất liệu PVC	100
212	Ống ly tâm 15ml (Ống fancol 15 ml vô trùng có nắp vặn)	Cái	- Ống ly tâm thể tích: 15mL, có chia vạch, đáy nhọn, không tự đứng - Đã tiệt trùng - Màu trong - Chất liệu : Virgin polypropylene (nhựa y tế) - Kích thước (đường kính x chiều dài): khoảng 17.5 x 118.5 mm - Kiểu nắp: nắp phẳng, ren ngoài, đường kính khoảng 22.6mm, màu cam. Nắp CentriStar™ phẳng thuận tiện đóng/mở, thiết kế tiên tiến giúp dễ dàng vặn chặt. Thiết kế chống rò rỉ cùng với tính năng vặn kín vượt trội giúp loại bỏ hiện tượng rò rỉ khi sử dụng trong các điều kiện được khuyến nghị - Lực ly tâm tối đa: 12,500 xg - Chia vạch 0,5ml, có khoảng đánh dấu lớn màu trắng - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Non-Pyrogenic, RNase-/DNase-free, không độc hại theo Tiêu chuẩn USP - Phù hợp với Rotor của các dòng máy của Eppendorf, Labnet, SIGMA Laborzentrifugen GmbH, Beckman Coulter, Thermo Fisher Scientific, Hettich...)	1400

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
213	Ống ly tâm 50ml (Ống faneol 50 ml vô trùng có nắp vận)	Cái	- Ống ly tâm thể tích: 50mL, có chia vạch, đáy nhọn, không tự đứng - Đã tiệt trùng - Chất liệu : Virgin polypropylene - Kích thước (đường kính x chiều dài): khoảng 29.1 x 114.4 mm - Màu trong - Kiểu nắp: nắp phẳng, đường kính khoảng 34.7mm, màu cam. Nắp CentriStar™ phẳng thuận tiện đóng/mở, thiết kế tiên tiến giúp dễ dàng vận chuyển. Thiết kế chống rò rỉ cùng với tính năng vận chuyển vượt trội giúp loại bỏ hiện tượng rò rỉ khi sử dụng trong các điều kiện được khuyến nghị - Chia vạch 2,5ml, có khoảng đánh dấu lớn màu trắng - Lực ly tâm tối đa: 17000 xg - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Chứng chỉ: Non-Pyrogenic, RNase-/DNase-free, không độc hại theo Tiêu chuẩn USP - Đã được khử trùng - Phù hợp với Rotor của các dòng máy của Eppendorf, Labnet, SIGMA Laborzentrifugen GmbH, Beckman Coulter, Thermo Fisher Scientific, Hettich...)	10500
214	Ống nghiệm lấy máu chân không EDTA	Ống	Ống nghiệm chân không EDTA K3 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không	1400
215	Ống nghiệm lấy máu chứa chất K2 EDTA, nắp cao su	Ống	Ống nghiệm K2EDTA URI, nắp xanh da trời, có nút cao su • Thể tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2mL trên nhãn. • Thân ống Polypropylene (PP) trung tính, nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế, kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút. (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nút cao su bromo-butyl, kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xanh da trời. • Nồng độ EDTA: 1.2 – 2.2 mg/mL máu • Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE.	84000
216	Ống nghiệm nhựa không nắp không nhãn 5ml	Cái	Ống nghiệm: Nhựa polystyrene (PS) - ống có dạng hình trụ đáy tròn, không đóng nút, trên thân ống không có nhãn - Kích thước ống: dài 75mm, đường kính 12mm, thể tích sử dụng tối đa: 5ml.	7000
217	Ống nhựa (chữ Y)	cái	Chất liệu bằng nhựa trắng trong. Không có ba vĩa bên trong, bên ngoài. Phù hợp, nối được với dây nhựa 8 ly và đầu hút của chai hút dịch.	200
218	Ống nhựa đầu to đầu nhỏ	cái	Chất liệu bằng nhựa trắng trong. Không có ba vĩa bên trong, bên ngoài. Phù hợp, nối được với dây nhựa 8 ly và đầu hút của chai hút dịch.	200
219	Ống nối (chữ I)	cái	Chất liệu bằng nhựa trắng trong. Không có ba vĩa bên trong, bên ngoài. Phù hợp, nối được với dây nhựa 8 ly và đầu hút của chai hút dịch.	200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
220	Ống nối dây thở (Show)	Cái	" Ống nối dây máy thở co giãn vật liệu PP - EVA, Tổng chiều dài 20cm, chiều dài ống 15cm Co nối xoay kép, xoay 360 độ, có cổng hút dịch có nắp đậy Đầu nối với bệnh nhân 15F/22M. Đầu nối dây thở 22F * Tiêu chuẩn ISO, FDA	1400
221	Ống nội khí quản 2 nòng trái, phải (sonde carlen)	Cái	* Nguyên liệu thermosensitive clear PVC nhạy cảm nhiệt. * Bóng Soft-Seal thể tích lớn áp lực thấp. Bóng phế quản hình quả đậu có màu, chứa chất cản quang * Chiều dài ống nội phế quản và đường kính 2 bóng lần lượt (Fr x mm/mm): - Nội phế quản phải: 28 x 23/13; 32 x 24/13; 35 x 26/21; 37 x 28/21; 39 x 29/21; 41 x 31/21. -Nội phế quản trái: 28 x 23/12; 32 x 24/13; 35 x 26/18; 37 x 28/18; 39 x 29/23; 41 x 31/23. * Độ cong tương thích giải phẫu, có đường cản quang xanh đậm dọc ống, co nối vuông góc 90 độ. * Đóng gói có 4 dây hút nhót chuyên phế quản đi kèm. * Tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	7
222	Ống nội khí quản có bóng các cỡ	Cái	* Ống nội khí quản trong suốt bằng PVC nhạy cảm nhiệt, có đường cản quang * Bóng loại HVLP (thể tích lớn, áp lực thấp) hoặc SVLP (thể tích tiêu chuẩn, áp lực thấp), có in ID trong ống trên van bơm bóng. * Đầu xa hình mũi trâu, được bo tròn, trơn nhẵn * Các size từ 3.0 – 10.0, OD từ 4.2-13.3mm, chiều dài ống từ 165 - 330mm, đường kính bóng từ 12-28mm * Tiệt trùng EO	2000
223	Ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn	Cái	Ống đặt nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn. Chất liệu: nhựa PVC, Không chứa latex và DEHP. Một nòng, có bóng, đầu nối tiêu chuẩn dài 15mm. Đường kính trong (ID) có các cỡ: 6.0; 7.0; 7.5; 8.0.	300
224	Ống nội khí quản có lỗ hút dịch trên cuff thông qua kênh hút dịch	bộ	Ống được làm từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP thiết kế thân ống có kênh hút dịch trên bóng cuff. Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống. Kích thước 7.0, 7.5, 8.0 Sản phẩm tiệt khuẩn bằng khí EO. Đóng gói 1 bộ/túi.	35
225	Ống nội khí quản không bóng các cỡ	Cái	Ống nội khí quản không bóng - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 2.0 → 10.0, OD từ 2.9-13.3mm, chiều dài ống từ 145 - 330mm - Ống có đường cản quang, 1 vạch dày đậm ở đầu xa, các vạch đánh dấu dọc thân cách nhau 1cm. - Tiệt khuẩn - TCCL ISO13485	150

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
226	Ống thông dạ dày	Cái	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cán quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 8FG (OD/ID=2.65/1.5mm), 10FG (OD/ID=3.35mm/2.0mm), 12 FG (OD/ID=4.0mm/2.45mm), 14FG (OD/ID = 4.65mm/2.95mm), 16 FG (OD/ID=5.35mm/3.40mm), 18FG (OD/ID=6.0mm/3.9mm). - Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng, Không chứa DEHP	3500
227	Ống thông nội khí quản lò xo	Cái	Ống nội khí quản lò xo có bóng - Chất liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, không chứa phthalate. - Bóng có thành mỏng (0.07-0.12mm), thể tích lớn (3.0-24.0ml), áp lực thấp ($\leq 25\text{cmH}_2\text{O}$) - Kích cỡ: 2.5 - 10, đường kính ngoài từ 4.2 - 14.2mm, đường kính bóng từ 8.0 - 32mm - Thông số một số size thường dùng: số 7.0 (OD 10.2 mm, thể tích bóng 13ml, đường kính bóng 23mm) 7.5 (OD 11.0 mm, thể tích bóng 14ml, đường kính bóng 25mm) 8.0 (OD 11.6 mm, thể tích bóng 15ml, đường kính bóng 26mm) - Xuất xứ Châu Âu	35
228	Ống thông phế quản/ ống đặt nội khí quản 2 nòng	Bộ	Ống nội phế quản 2 nòng trái/phải * Vật liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone. Không chứa latex, không chứa DEHP. * Phụ kiện: 4 dây hút đàm vật liệu không chứa DEHP, loại có van kiểm soát, thanh dẫn đường (stylet), bộ co nối gồm: Co Y, 2 co 15mm, 2 ống nối bằng silicon có kẹp, 2 co xoay * 2 bóng mềm mịn thể tích lớn, áp lực thấp, bóng phế quản phải có hình chữ P * Các số - chiều dài - đường kính bóng khí quản - đường kính bóng phế quản (mm): 24Fr - 330mm - 14,0mm - 12,0mm; 26Fr - 350mm - 20,0mm - 15,0mm; 28Fr - 355mm - 20,0mm - 16,0mm; 32Fr - 415mm - 21,0mm - 16,0mm; 35Fr - 415mm - 23,0mm - 18,0mm; 37Fr - 415mm - 25,0mm - 18,0mm; 39Fr - 415mm - 30,0mm - 20,0mm; 41Fr - 415mm - 32,0mm - 22,0mm * Xuất xứ Châu Âu	70
229	Panh cong không máu	Cái	Chất liệu làm bằng thép không gỉ, mũi cong, không có máu, kích thước: 14cm. Dùng để kẹp bông băng rửa vết thương.	35
230	Panh thẳng không máu	Cái	Panh không máu thẳng, chất liệu: thép không gỉ. Chiều dài 14cm	35
231	Panh thẳng không máu	Cái	Panh không máu thẳng, chất liệu: thép không gỉ. Chiều dài 18cm.	35
232	Phễu inox hình nón	Cái	CHẤT LIỆU INOX , KHÁNG HÓA CHẤT ĂN MÒN	7

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
233	Phim X - Quang số hoá cỡ 20x25 (DI-HL)	Tờ	- Phim khô Laser cỡ 20x25 cm - Đóng gói 150 tờ/ hộp - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ - Sử dụng công nghệ Eco Dry - Phim nền xanh, độ dày PET ≥ 170 micromet - Mật độ tối đa ≥ 3.3 - Có tối thiểu 01 FSC được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại Điều 29 Nghị định 98/NĐ-CP. - Xuất xứ: G7	250000
234	Phim X - Quang số hoá cỡ 35x43	Tờ	- Phim khô Laser cỡ 35x43 cm - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ - Phim nền xanh, độ dày PET = 170 micromet - Mật độ tối đa = 3.3 - Có tối thiểu 01 FCS - Tương thích với máy in phim Fujifilm của Bệnh viện.	30000
235	Phim X - Quang số hoá cỡ 20x25 (Agfa)	Tờ	- Công nghệ in phim khô Kỹ thuật số trực tiếp trên máy in nhiệt - Độ đậm quang học tối đa: ≥ 3.2 - Gồm nền polyethylene terephthalate dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar - Có 2 FSC của châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc, Canada - Xuất xứ châu Âu - Chứng nhận ISO 13485, CE	20000
236	Phim X-quang y tế 8"x10" (20x25cm)	Tờ	- Kích thước 8x10 inch (20x25cm) - Quy cách đóng gói: 100 tấm/hộp - Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). - Cấu tạo gồm 3 lớp : lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. - Độ dày lớp phủ in phim là 30 μm, lớp nền PET là 175 μm, lớp chống tĩnh điện là 5 μm - Tương thích đồng thời với các máy in phim phun y tế chuẩn Dicom 3.0 trở lên và các máy in phim phun khác như Canon, Epson. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và ISO9001 hoặc tương đương, ≥ 2 CFS (giấy chứng nhận lưu hành tự do).	15000
237	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Cái	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp Chest. Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc tương đương	21000
238	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Cái	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp Koko. Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc tương đương	2000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
239	Phin lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	- Đường kính trong đầu cắm vào máy: 27.0; 28.0; 29.5; 30.0; 30.5 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào máy: 30.5; 33.0 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29.5 mm - Trở kháng: 15 pa tại 30 lít / phút - Hiệu quả lọc khuẩn: 99.99% - Đóng gói: 01 cái / túi tiệt trùng, 100 cái / thùng	30000
240	Phin lọc máy thở 3 chức năng lọc khuẩn, làm ẩm, làm ấm	Cái	Màng Hygroscopic của phin lọc làm ẩm, tạo độ ẩm và mang lại hiệu quả cho đường thở cho bệnh nhân. · Khả năng tạo ẩm: 31mg / H₂O tại VT 500ml · Mức kháng tại 60 LPM : 180pa · Khoảng chết: 45 ml · Thể tích: 150-1500ml · Áp lực giọt dịch: ít hơn 0,35 kPa · Hiệu quả lọc vi khuẩn : 99,99998 % · Hiệu quả lọc virus : 99,99997 % · Trọng lượng: 29.1g Tiêu chuẩn CE	350
241	Pipet 3ml tiệt trùng	Cái	Pipet paster có vạch chia, miệng hút rộng ≥ 2mm Thể tích đo: 3ml, vạch mức 0,5ml Chất liệu: PE Kích thước: dài 160mm, tiệt trùng từng cái, đóng gói riêng mỗi cái 1 túi riêng	21000
242	Que cấy nhựa vô trùng	Cái	Túi 25 cái Chất liệu: nhựa HIPS chánh phẩm, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh mà không ảnh hưởng đến môi trường cấy, màu vàng cam. Đầu que cấy vi sinh tròn 10 μl, không bavia, lý tưởng cho các quy trình cấy vi sinh, lấy mẫu đạt độ chính xác cao. Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng bằng tia gamma	40000
243	Que chỉ thị đa thông số	Hộp	Chỉ thị hoá học loại 4 - Đổi màu: Vàng sang đen - Kích thước: 200 x 15 mm $\pm$ 2% - Kích thước vạch mực chỉ thị: $\geq$ dài 55 mm x rộng 2 mm - 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) - Trên que chỉ thị in: số lô, hạn sử dụng, mã QR - Có thể đọc và lưu kết quả bằng phần mềm truy xuất, phần mềm đọc kết quả có thể cài đặt trên điện thoại của người sử dụng - Thành phần: giấy > 95%; mực chỉ thị < 5% - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; FDA (Hoa Kỳ)	30
244	Que chọc dịch lồng ngực	Cái	- Ống dẫn lưu màng phổi có trocar được làm từ PVC y tế không độc hại, không chứa Phthalate (không chứa DEHP), không chứa latex, không gây sốt. - Ống thông cố định chắn chắn trên trocar, có mắt lớn nhấn giúp dẫn lưu hiệu quả. - Đầu tròn nhẵn mịn. - Vạch chia độ sâu ở 5,10,15,20cm tính từ đầu xa. - Đầu gần được trang bị đầu nổi tròn dễ dàng kết nối với chai/túi dẫn lưu. - Kích cỡ và chiều dài: 245mm (8FG), 260mm (10,12,14,16FG), 420mm (20,24,28,32,36FG) - Vô trùng bằng EO	350
245	Que tăm bông bệnh phẩm vô trùng	Cái	Thân que bằng nhựa hoặc bằng gỗ, 1 đầu gòn, tiệt trùng từng cây, dài 16cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	2000
246	Que tăm bông ty hầu	Cái	Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiệt trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm.	8000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
247	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	Que thử dùng cho máy Siemens - Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL	14000
248	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	"- Que thử nước tiểu 10 thông số sử dụng được cho máy xét nghiệm nước tiểu hãng Roche. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 Tương thích với máy Urisys 1100 Roche Diagnostics của Bệnh viện.	2000
249	Rotavirus test nhanh	Test	Phát hiện kháng nguyên vi rút Rota nhóm A trong mẫu phân người. Xét nghiệm sử dụng một kháng thể đa dòng để phát hiện nhóm protein đặc hiệu bao gồm các protein capsid lớn bên trong (VP6), có ở vi rút Rota nhóm A. Lớp màng được bọc bởi kháng thể đa dòng đặc hiệu với vi rút Rota tại vùng thử của màng - Độ nhạy tương đối: 94%, Độ đặc hiệu tương đối: 93.8% so với xét nghiệm EIA - Kháng thể đa dòng thử kháng Rotavirus (1,0±0,2 µg)- Kháng thể IgG dê kháng chuột (1,0±0,2 µg) - Kháng thể đơn dòng chuột kháng Rotavirus - liên hợp vàng (1±0,2 µg) - Không phản ứng chéo với Albumin huyết thanh bò, Escherichia coli, Enterococcus faecalis - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Salmonella typhimurium, Shigella flexneri, Shigella sonnei, Staphylococcus aureus (chủng Cowan sản xuất protein A) - Giới hạn phát hiện: 1.224 ×10 ³ TCID ₅₀ /ml - Hồ sơ công bố TTBYT thuộc loại B - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Korea FSC, KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	1500
250	Sonde foley 2 nhánh các cỡ	Cái	* Ống thông tiểu 2 nhánh các số 6-30Fr, Thể tích bóng 5-45ml/cc tốc độ dòng cao, ≥25 - 1450ml/phút. Một số size thông dụng 16Fr: ≥350ml/phút, 18Fr: ≥480ml/phút - Vật liệu cao su phủ silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm. - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip.	2000
251	Sonde nelaton các số	Cái	* Sử dụng lên đến 14 ngày. Đóng gói vô trùng. Ống thông tiểu 1 nhánh vật liệu PVC nhạy nhiệt, không độc hại, không chứa DBP, BBP, DEHP. - Lỗ dẫn lưu so le. Co nối hình phễu . - Các số: 6Fr - 24Fr. Chiều dài 40cm - Có ít nhất 1 CFS của quốc gia thuộc nhóm G7	350

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
252	Tấm trải nilon 100x130	Cái	Được làm nguyên liệu màng nylon HD, màu trắng trong. Kích thước 100cm x 130cm. Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Chứng chỉ: 1/ ISO 9001:2015 2/ ISO 13485:2016 3/ ISO 11135:2014	400
253	Tay dao hàn mạch	Cái	Tay dao hàn mạch mổ nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37 cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)	3
254	Tay súng nội soi	Cái	Dụng cụ khâu cắt nội soi các cỡ. Dụng cụ được làm bằng chất liệu plastic có phủ cao su chống trượt, phù hợp với tất cả băng ghim nội soi. Tiêu chuẩn FDA	7
255	Test chẩn đoán nhanh kháng thể IgG/IgM kháng Lao trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	Test	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium Tuberculosis (M.TB). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 87.2%, - Độ đặc hiệu tương quan: 94.6% - Độ chính xác tương quan: 93.2% - Khay thử bao gồm: - Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng nguyên M. TB tái tổ hợp (M. TB conjugates) và cộng hợp kháng thể kiểm chứng. - Vạch M: kháng thể IgM kháng người (anti-human) để phát hiện kháng thể IgM kháng M. TB - Vạch G: phủ sẵn thuốc thử để phát hiện kháng thể IgG kháng M. TB - Vạch C: phủ sẵn kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo với các mầm bệnh đường hô hấp thông thường, các sinh vật và chất khác đôi khi có trong các mẫu dịch mũi họng: Vi-rút thể hợp bào gây bệnh lý hô hấp, Cúm loại A và loại B - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2FSC G7	3500
256	TEST NHANH Adeno virus	Test	Xét nghiệm hiện định tính các kháng nguyên Adenovirus từ các mẫu bệnh phẩm mũi họng của con người (gạc, rửa mũi họng và hút). Bảo quản ở (2-30°C). Thử nghiệm ổn định cho đến ngày hết hạn được in trên túi niêm phong. Độ hiệu cao (>99%), độ nhạy (>99%) Không có phản ứng chéo với các mầm bệnh đường hô hấp thông thường, các sinh vật và chất khác đôi khi có trong các mẫu dịch mũi họng: Vi-rút thể hợp bào gây bệnh lý hô hấp, Cúm loại A và loại B - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2FSC G7	1400

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
257	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan B	Test	- Định tính kháng nguyên vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy lâm sàng: 100%, Độ đặc hiệu lâm sàng: 100% so với Thử nghiệm CMIA - Giới hạn phát hiện 0.22 IU/mL. - Hiệu ứng móc câu liều cao: Không có hiệu ứng móc đến nồng độ 112.05 IU/ml (cao gấp khoảng 509 lần giới hạn phát hiện) - Không phản ứng chéo: Adenovirus, Vi rút CÚM A,B, Parainfluenza, Vi rút hợp bào hô hấp, HAV, Escherichia coli, Haemophilus influenzae, Neisseria gonorrhoeae, Proreus vulgaris, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus, Streptococcus - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Hemoglobin, Bilirubin liên hợp, Bilirubin tự do, Triglycerid, Kháng thể người kháng chuột, Yếu tố dạng thấp, Acetaminophen, Axit acetylsalicylic, Ibuprofen, Vitamin, Caffein, ... - Chứng nhận ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận	10500
258	Test nhanh kháng nguyên Covid-19	Cái	Định tính phát hiện kháng nguyên nucleocapsid SARS-CoV-2 trong mẫu dịch tỵ hầu hoặc dịch mũi - Dịch tỵ hầu: (Độ nhạy $\geq 90\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$) so với xét nghiệm tham chiếu (RT-PCR Test) - Dịch mũi: (Độ nhạy $\geq 91,2\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$) so với xét nghiệm tham chiếu (RT-PCR	2000

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
259	Test nhanh phát hiện viêm gan C	Test	- Định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh hay huyết tương ở người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Khay thử gồm lớp màng đã được phủ hỗn hợp kháng nguyên HCV tái tổ hợp (core, NS3, NS4, NS5) thích hợp trên vùng thử. - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy tương đối: 100 %, độ đặc hiệu tương đối: 99 % so với phương pháp miễn dịch phóng xạ (RIA) - Giới hạn phát hiện: 2.0 s/CO - Hiệu ứng móc câu liều cao: Không có hiệu ứng móc đến nồng độ 17.00 s/co - Thể tích mẫu: 10 μL - Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (core, NS3, NS4, NS5), vàng cộng hợp (1.0 ± 0.2 μg), Kháng thể IgG lợn – vàng cộng hợp (2.0 ± 0.4 μg), Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (core, NS3, NS4, NS5) (1.0 ± 0.2 μg) - Không có phản ứng chéo với các vi sinh vật và vi rút: Cytomegalovirus IgG/IgM, Chikungunya virus IgG/IgM, Dengue virus IgG, Epstein-Barr virus IgG, Herpes Simplex Virus, Leishmania IgG, Parvovirus B19 IgG/IgM, Tick borne encephalitis IgG, Varicella zoster virus IgG/IgM, West Nile Virus IgM, Zika virus IgG/IgM, Chagas, Lyme IgG/IgM, HAV, HBsAg, HIV 1, HIV 2 - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận	2000
260	Test nhanh thử viêm gan B	Test	Phát hiện định tính kháng nguyên HBV trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Dạng: Strip. Que thử có thành phần gồm cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng và một pha rắn kháng thể đơn dòng có liên kết chọn lọc với kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B với độ nhạy cao. Kháng thể IgG dễ kháng chuột ($2 \pm 0,4 \mu$l); Kháng thể kháng HBsAg ($4 \pm 0,8 \mu$l); Chất keo vàng - kháng thể kháng HBsAg ($1 \pm 0,2 \mu$l). Độ nhạy: 99,8 %, Độ đặc hiệu: 99,85 %, Độ chính xác: 99,8%. Giới hạn phát hiện: 0,5 ng/ml	10500
261	Test thử đường huyết	Test	Que thử xét nghiệm đường huyết Sử dụng enzyme: GOD (Glucose Oxidase) Thể tích mẫu: 0.9 microlit Thành phần thuốc thử (cho 100 que thử): Men Glucose Oxidase (GOD) 300 đơn vị; Potassium ferricyanide (chất trung gian) 9.0 mg Thời gian xét nghiệm: 5 giây Nhà thầu cung ứng test kèm theo máy đo đường huyết	7000
262	Thẻ định nhóm máu đầu giường ABO gắn sẵn huyết thanh mẫu	Test	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Thành phần: - Anti-A - Anti-B, Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100% Xuất xứ: G7 + TCCL: ISO	1200
263	Tinh thể Auramine O	gram	Là một loại thuốc nhuộm diarylmetan được dùng để nhuộm huỳnh quang trong sinh học. Ở dạng tinh khiết, tinh thể Auramine O có hình kim màu vàng. Nó rất dễ tan trong nước và có thể tan trong ethanol.	350

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
264	Tinh thể Fucsin	Chai	Hình thể: Tinh thể màu xanh đậm Khối lượng mol: 585.54 g/mol Độ hòa tan: 20 ppm trong nước axit hóa thu được dung dịch màu đỏ trong suốt Chuyển đổi pH trực quan: pH= 12 (đỏ) đến pH= 14 (không màu) Chai 25 g	7
265	Tinh thể Phenol	Lọ	Có công thức phân tử là C ₆ H ₅ OH. Phân tử bao gồm một nhóm phenyl (-C ₆ H ₅) liên kết với một nhóm hydroxyl (-OH). Đóng lọ 500g, Dùng cho máy huỳnh quang và nuôi cấy. Tinh thể Dạng hạt	15
266	Tinh thể Xanh methylen 100g	Chai	Dạng chất rắn dạng bột màu xanh. Xanh methylen được dùng như một chất nhuộm để làm một số chất dịch và mô trong cơ thể được nhìn thấy dễ dàng hơn trong quá trình phẫu thuật hoặc chụp x-quang hoặc trong các xét nghiệm chẩn đoán khác. Quy cách: Chai thủy tinh 100g . Công thức : C ₁₆ H ₁₈ ClN ₃ S * x H ₂ O	7
267	Trocar lồng ngực	Cái	Trocar phẫu thuật dùng trên lồng ngực, chỉ có vỏ, đường kính từ 5.5mm -12mm, thân dài 60mm, gờ trên thân trocar cứng giúp tăng ma sát. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn FDA (CFG), ISO, EC hoặc tương đương.	25
268	Trocar phẫu thuật nội soi	Cái	Trocar nhựa không dao dùng trong nội soi, tách cơ không cắt cơ các cỡ: - Đường kính: 5 mm / 10 mm/ 12 mm/ 15mm - Chiều dài: 100mm - Đầu tip trong suốt giúp nhìn thấy các lớp mô, tránh tình trạng chọc mù khi đưa trocar vào khoang bụng. - Có 2 lớp van khóa khí: Van phía trong giúp chống rò khí khi đưa và lấy dụng cụ ra khỏi trocar, hỗ trợ trong việc lấy các mẫu bệnh phẩm có kích thước nhỏ ra ngoài. Van phía ngoài có thể điều chỉnh để phù hợp với đường kính của dụng cụ đưa vào. - Tiêu chuẩn ISO/CE hoặc tương đương	25
269	T-tube (bộ cai chữ T/ống thở T-Tube)	Cái	- Chất liệu: ống PVC, đầu nối PP - Cổng hút đàm 7,6mm có nắp, không cần ngắt kết nối với nguồn oxy - Có sẵn các lựa chọn van venturi loại: 28%, 35%, 40% hoặc 60% - Dây oxy 2m - Co T có kích thước 22mm M / 15mm F dùng để cung cấp oxy cho bệnh nhân sau phẫu thuật, cung cấp oxy trong lúc chuyển bệnh, hỗ trợ bệnh nhân thở trước khi tháo ống nội khí quản. - Đầu nối 15mm phù hợp với tất cả các ống nội khí quản - Tốc độ dòng có thể điều chỉnh 200cc/giây - 1200cc/ giây - Tiệt trùng bằng EO - Không DEHP , không Latex	300
270	Túi Camera nội soi	gói/bộ	Thành phần: 01 ống nylon kích thước: fi 18cm x dài 230cm (±5%), có dây cột. Túi nylon: kích thước 9cm x 14cm (±5%), có dây buộc. Tiệt trùng bằng khí EO	200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
271	Túi đựng nước tiểu	Túi	Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC cao cấp, có khóa vận $\frac{3}{4}$ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vách chia dung tích đều.	5500
272	Túi tiết trùng dạng dẹt 100mm x 200m	Cuộn	Kích thước: 100mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	4
273	Túi tiết trùng dạng dẹt 150mm x 200m	Cuộn	Kích thước: 150mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	70
274	Túi tiết trùng dạng dẹt 250mm x 200m	Cuộn	Kích thước: 250mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	70
275	Túi tiết trùng dạng dẹt 300mm x 200m	Cuộn	Kích thước: 300mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	4
276	Vật liệu cầm máu cellulose tái tổ hợp, 10cm x 20cm	Miếng	- Vật liệu cầm máu cellulose tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 10x20cm - Có tính kháng khuẩn. - Hiệu quả cầm máu nhanh. - Bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng, tự tiêu sau 7-14 ngày. - Tiêu chuẩn ISO, CE.	35
277	Viên nén khử khuẩn	Hộp	- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH: 5.0 - 6.5 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên	40
278	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán nhiễm HIV	Test	- Định tính phân biệt kháng thể kháng HIV loại 1 và loại 2 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Khay thử chứa lớp màng đã được phủ hỗn hợp kháng nguyên HIV1/2 tái tổ hợp (loại 1: p24, gp41 và loại 2: gp36) thích hợp trên vùng thử - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy tương đối: 100 % , Độ đặc hiệu tương đối: 99,75 % so với phương pháp RT-PCR. - Thể tích mẫu: 10 μL cho huyết thanh/huyết tương và 20 μL cho máu toàn phần - Không phản ứng chéo với HBsAg, Anti-HBs, HCV, Giang mai - Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO - Đọc kết quả sau 10-15 phút. Không đọc kết quả sau 20 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	14000

